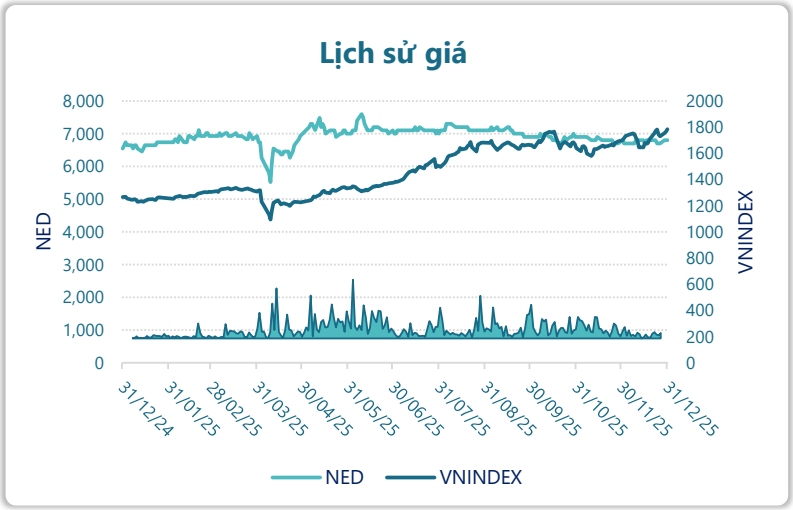
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (UPCOM: NED)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,522
SL cổ phiếu LH	40,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,745
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	275
P/E	7.3
EPS	934

DT thuần

Q4/25

29.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.40| -4.7%

YoY: ▲ 5.20| 21.6%

LN sau thuế

Q4/25

11.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.70| -24.6%

YoY: ▲ 4.78| 73.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

56.8%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

2025

94.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.90| 9.2%

LN sau thuế

2025

37.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.90| 35.4%

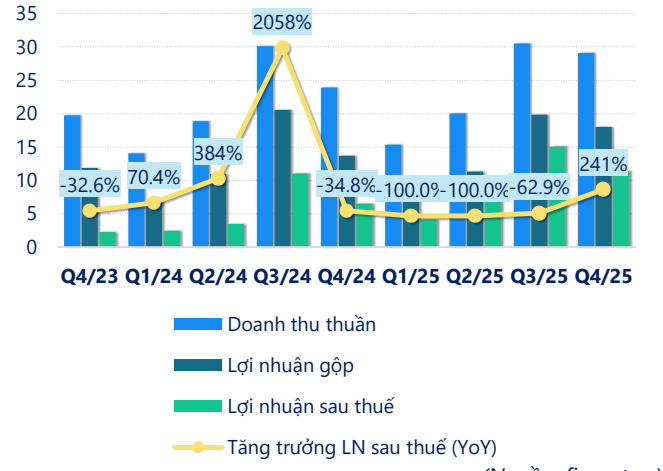
ROE

2025

7.6%

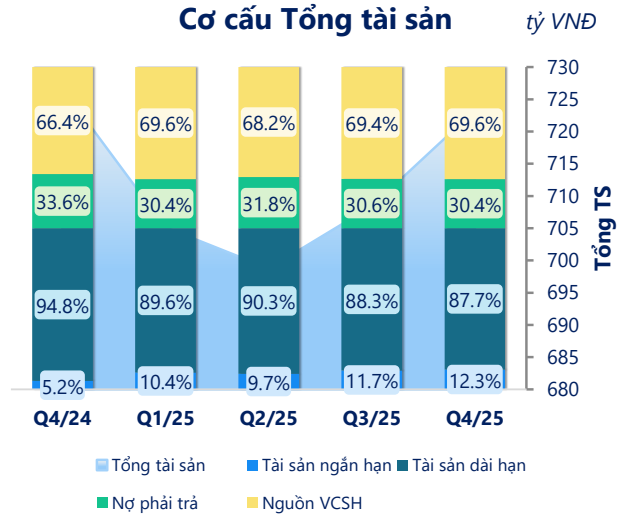
+/- YoY: ▲ 1.7%

Kết quả kinh doanh



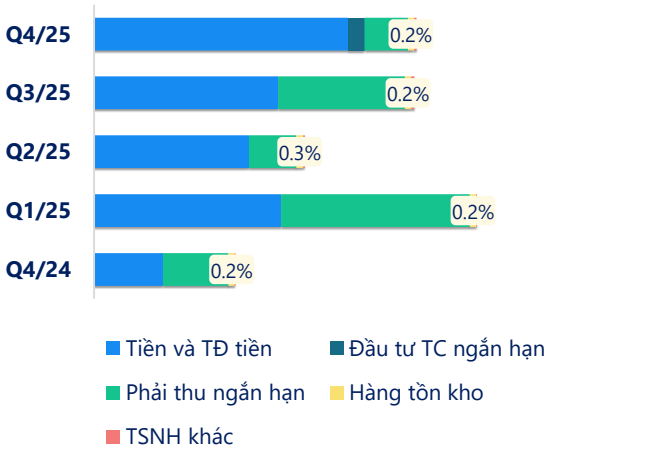
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



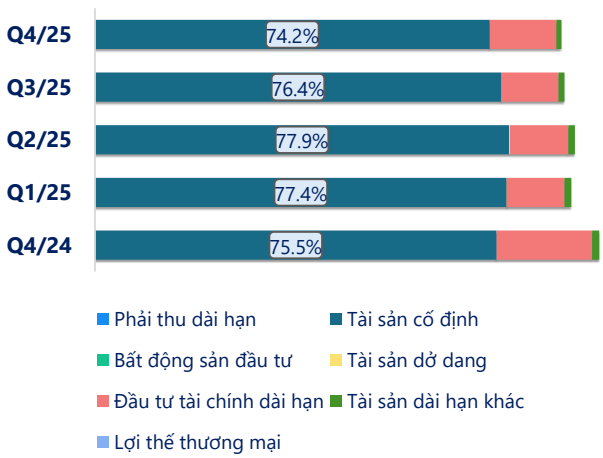
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



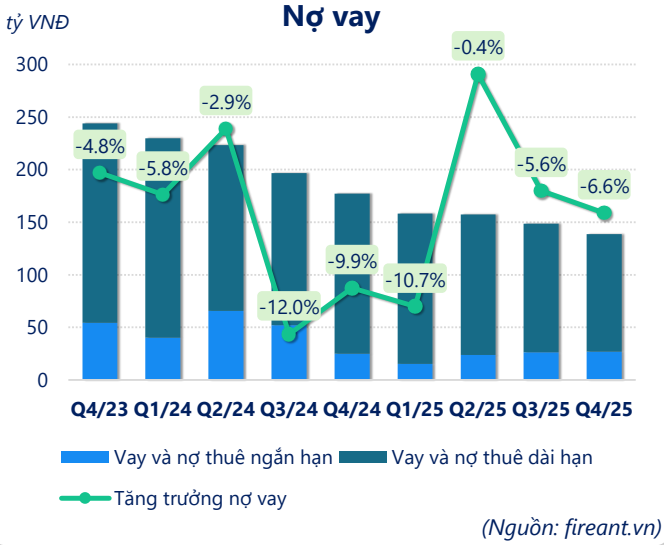
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



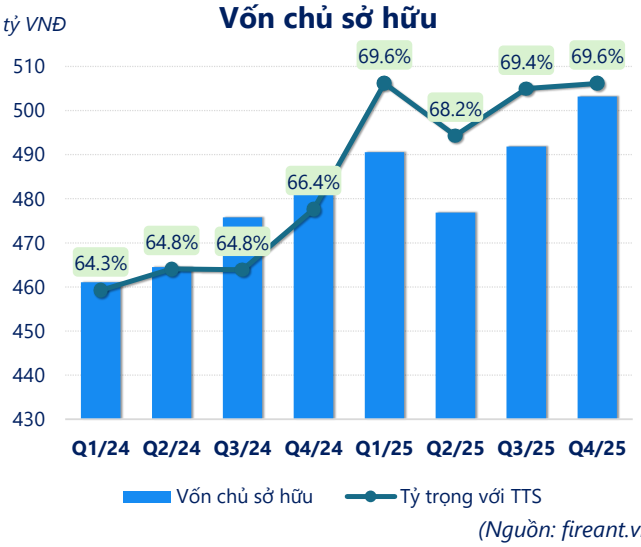
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



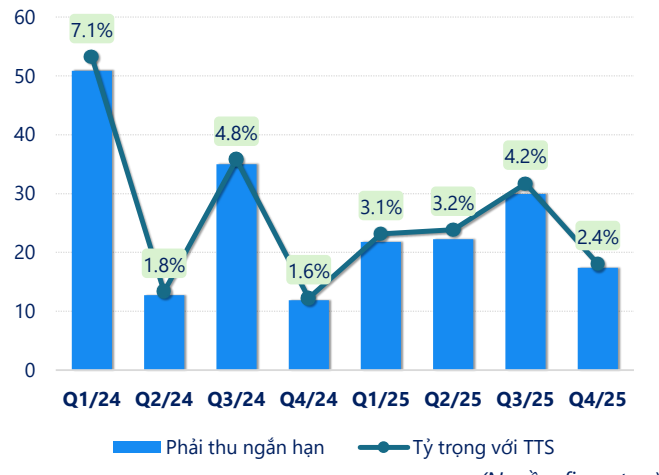
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



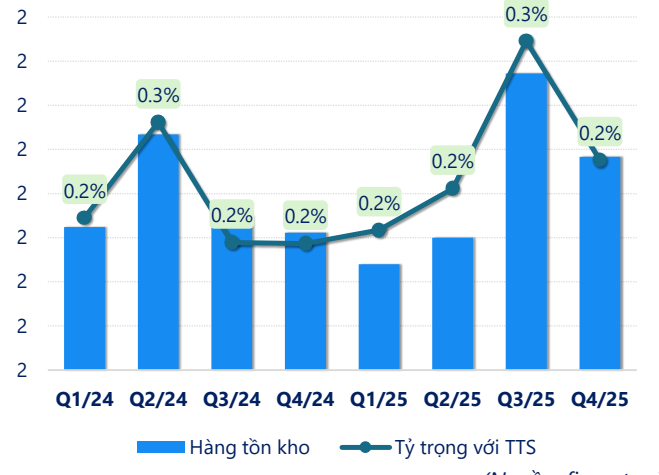
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



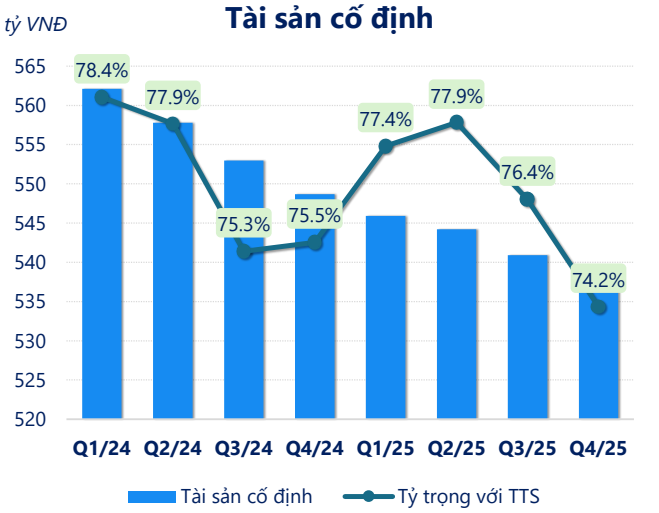
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



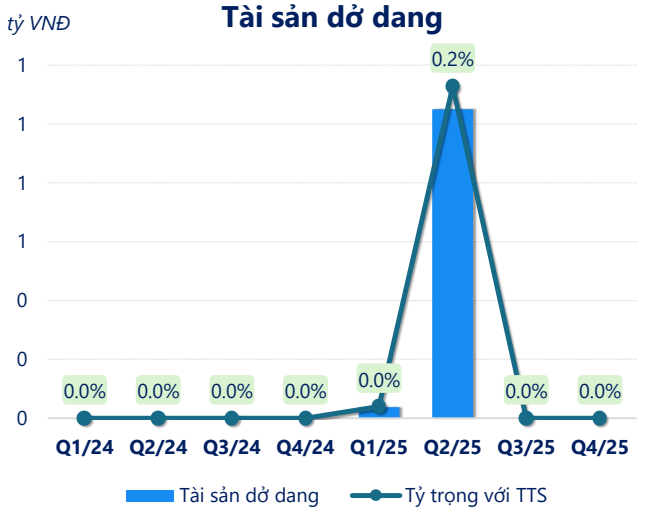
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



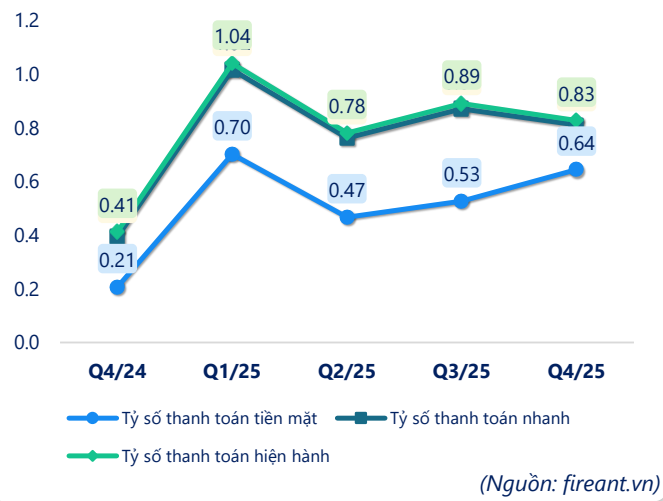
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



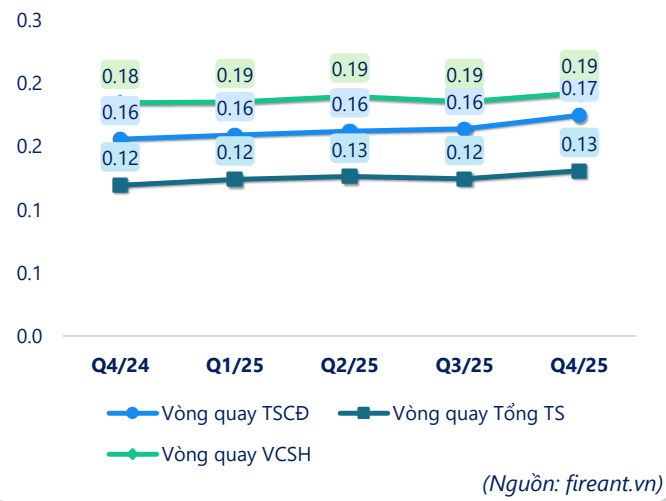
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**727**	**705**	**699**	**708**	**723**
Tài sản ngắn hạn	**37.6**	**73.6**	**68.1**	**83.0**	**88.6**
Tiền và tương đương tiền	18.9	49.6	40.7	49.0	69.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.50	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	11.9	21.8	22.2	30.0	17.4
Hàng tồn kho	1.71	1.67	1.70	1.89	1.79
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.51	3.42	2.10	0.37
Tài sản dài hạn	**689**	**632**	**631**	**625**	**635**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	549	546	544	541	537
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.04	1.05	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	131	76.7	76.7	76.7	90.8
Tài sản dài hạn khác	9.68	8.88	8.67	7.80	6.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**244**	**215**	**222**	**217**	**220**
Nợ ngắn hạn	**91.2**	**70.8**	**87.2**	**93.1**	**107**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.9	15.3	23.7	26.2	26.9
Phải trả người bán ngắn hạn	7.43	4.67	5.01	4.93	4.88
Nợ dài hạn	153	144	135	123	113
Vay và nợ thuê dài hạn	152	143	134	122	112
Nguồn vốn chủ sở hữu	**482**	**491**	**477**	**492**	**503**
Vốn chủ sở hữu	**482**	**491**	**477**	**492**	**503**
Vốn điều lệ	405	405	405	405	405
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)